

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG PHÚ CƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG PHÚ CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU CUONG ARCHITECTURE
CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU CUONG ACO CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108705372

3. Ngày thành lập: 18/04/2019

4. Địa chỉ chính:

Số 22 Lô TT12, khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam
Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng sắt	0710
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
8.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
9.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
10.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
11.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
14.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
15.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
16.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vôi và van khác	2813
17.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
18.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
25.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
28.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
31.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
32.	Xây dựng công trình điện	4221
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Xây dựng công trình thủy	4291
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Phá dỡ	4311
41.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
49.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610

53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
70.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ dược phẩm)	4772
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
80.	Lập trình máy vi tính	6201
81.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

82.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
83.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
84.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
85.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
87.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
88.	Quảng cáo	7310
89.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
90.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
91.	Cho thuê xe có động cơ	7710
92.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
93.	Đại lý du lịch	7911
94.	Điều hành tua du lịch	7912
95.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
96.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
97.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
99.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
101.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên - Tư vấn du học	8560

6. V n đi u l : 5.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 183324257

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 7, Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *PI307 - nhà CTI - Khu nhà ở D22 - Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Ng i đ i di n theo pháp lu t:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 183324257

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 7, Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: P1307 - nhà CT1 - Khu nhà ở D22 - Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng,
Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội